

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2024/HNGĐ - ST  
Ngày: 05 - 4 - 2024  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ung Quang Định

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy  
2. Ông Nguyễn Đình Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:**  
Ông Đặng Thành Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1997  
Trú tại: Tổ 5, Khu phố 6, P. N, Tp. Q, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Lê Xuân N, sinh năm 1996  
Trú tại: Tổ 62, Khu phố 7, P. N, Tp. Q, tỉnh B  
(Chị D và anh N có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/01/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh D trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị tự nguyện cưới anh Lê Xuân N và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, Tp. Q vào ngày 12/12/2019. Sau khi cưới vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ chị. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi cờ bạc gây nợ nần, hai bên hay cãi nhau có lúc đánh nhau rồi dần dần vợ chồng không còn tình cảm. Thời gian qua, chị nhiều lần nhắc nhở, anh N hứa sẽ thay đổi nhưng vẫn chứng nào tật nấy, mâu

thuần vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ 03 năm nay, chị mang con về nhà mẹ ruột ở cho đến nay, hai bên không liên lạc, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh N. Hiện anh N đang chấp hành án tại Trại giam X trong vụ án hình sự.

- Về con chung: Chị với anh N có 01 con chung là cháu Lê Thiên P, sinh ngày 24/4/2020; sức khỏe cháu bình thường, hiện đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu P và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Bị đơn anh Lê Xuân N:* Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2024 anh N trình bày: Anh thống nhất về thời gian cưới, đăng ký kết hôn như chị Nguyễn Thị Thanh D trình bày. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc bình thường nhưng đến giữa năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do anh vi phạm pháp luật, bị Tòa án xử phạt tù và phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam X nên chị D không còn thương anh. Chị D mang con về nhà mẹ ruột ở cho đến nay, không còn quan tâm, thăm hỏi anh, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Về con chung: Anh với chị D có 01 con chung là cháu Lê Thiên P, sinh ngày 24/4/2020; sức khỏe cháu bình thường, hiện đang ở với chị D. Ly hôn anh đồng ý chị D được nuôi cháu P. Về cấp dưỡng nuôi con anh với chị D tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Anh N hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất hướng giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thanh D được ly hôn anh Lê Xuân N.

- Giao chị Nguyễn Thị Thanh D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Lê Thiên P, sinh ngày 24/4/2020.

- Về án phí: Dương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thanh D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Lê Xuân N, trú tại: Tổ 62, Khu phố 7, P. N, Tp. Q, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

- Đối với nguyên đơn: Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Xuân N có đơn xin vắng mặt trong không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; xét xử vụ án. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh D và anh Lê Xuân N cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, Tp. Q vào ngày 12/12/2019 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị D trình bày, sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình, ham chơi cờ bạc gây nợ nần, hai bên hay cãi nhau có lúc đánh nhau rồi dần dần vợ chồng không còn tình cảm. Còn anh N cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do năm 2022 anh vi phạm pháp luật, bị Tòa án xử phạt tù nên chị D không còn thương anh nên chị mang con về nhà mẹ ruột ở cho đến nay, không thăm hỏi, quan tâm gì đến anh nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Như vậy, chị D yêu cầu ly hôn anh N là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị D và anh N thống nhất có 01 con chung là cháu Lê Thiên P, sinh ngày 24/4/2020. Hiện tại sức khỏe cháu bình thường, hiện đang ở với chị D từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cháu P và được anh N đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh D và Lê Xuân N không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh D và Lê Xuân N không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Thanh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[2.5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh D được ly hôn anh Lê Xuân N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Lê Thiên P, sinh ngày 24/4/2020 cho chị Nguyễn Thị Thanh D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh D và anh Lê Xuân N không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.*

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh D và anh Lê Xuân N không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000491 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. Nhơn Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Ung Quang Định**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đình Thọ**

**Nguyễn Thị Ngọc Thúy**

**Ung Quang Định**





**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 13 tháng 3 năm 2020. Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Hiền, bà Hoàng Thị Thành.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 1104/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Sơn, sinh năm 1986.

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Kim Lạnh, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 9, KV 2, P. Đồng Đa, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

*(Anh Sơn có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Lạnh vắng mặt lần 2 không có lý do).*

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất:

**- Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

**- Về nội dung quyết định:**

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Sơn ly hôn chị Huỳnh Thị Kim Lạnh.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung: Nguyễn Hoàng Long, sinh ngày 24/02/2009 cho anh Nguyễn Văn Sơn trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Sơn không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

*Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.*

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Sơn không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Sơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002294 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn (anh Sơn đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Ý kiến bảo lưu khác: Không.

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút cùng ngày, được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và đồng ý ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ung Quang Định**

